

Bản án số: 151/2020/DS-PT

Ngày 08- 6- 2020

V/v “tranh chấp chia tài sản chung,
hủy hợp đồng chuyển nhượng
QSDĐ, mua bán nhà, hủy giấy
CNQSDĐ; đòi tài sản; bồi thường
thiệt hại về tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Ông Phạm Trí Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp
cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh:
Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại
Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:
500/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 9 năm 2019 về việc: “Tranh chấp chia tài sản
chung, hủy hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ, mua bán nhà, hủy giấy CNQSDĐ;
đòi tài sản; bồi thường thiệt hại về tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2019/HC-ST ngày 23 tháng 7 năm
2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 39/2020/QĐPT-DS
ngày 07 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1970; nơi cư trú: Ấp
Long H 1, xã Long G, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Quốc
N1, Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A - T thuộc Đoàn Luật
sư thành phố Cần Thơ; (có mặt)

2. Bị đơn: Bà La Thị Bạch M, sinh năm 1974; nơi cư trú: Ấp Bình T 2, xã
Bình Thạnh Đ, huyện Phú T2, tỉnh An Giang (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hồ Phước L1, sinh năm 1966 (vắng mặt);
- Bà Lê Kim N1, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Ấp An Thịnh, xã Hội An, huyện Chợ M1, tỉnh An Giang; nơi ở hiện nay: Số 310, ấp Bình T 1, thị trấn Lấp V, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp;

- Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1968 (có mặt);
- Anh Nguyễn Phước H1, sinh năm 1993 (có mặt);
- Chị Bùi Thị Tú A, sinh năm 1997 (có đơn xin xét xử vắng mặt);
- Cháu Nguyễn Hải T1, sinh năm 2004, do anh Nguyễn Phước H1 và chị Bùi Thị Tú A đại diện theo pháp luật (anh Nguyễn Phước H1 có mặt);

Cùng nơi cư trú: Ấp Long H 1, xã Long G, huyện Chợ M1, tỉnh An Giang;

- Ông Lý Văn Đ, sinh năm 1964; nơi cư trú: ấp Tân Quới, xã Long Kiên, huyện Chợ M1, tỉnh An Giang (vắng mặt);
- Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1972; nơi cư trú: Số 728, đường Trần Hưng Đ, thị trấn Chợ M1, huyện Chợ M1, tỉnh An Giang (có mặt);
- Bà Huỳnh Cẩm T, sinh năm 1977; nơi cư trú: Số 06, đường Phạm Hồng Thái, ấp Thị, thị trấn Chợ M1, huyện Chợ M1, tỉnh An Giang (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Cẩm T: Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1972 (có mặt);

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt)

4. Người kháng cáo: nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Bích N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Thanh H và Nguyễn Phước H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn phản tố ngày 14/4/2014, các bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đỗ Hoàng Minh trình bày:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N trình bày: Vào năm 2013, bà có hùn vốn với bà La Thị Bạch M nhận chuyển nhượng của ông Hồ Phước L1, bà Lê Kim N1 diện tích 1.950m² đất sản xuất kinh doanh, nhà xưởng có trên đất và diện tích đất nông nghiệp 4.820 m² tọa lạc tại ấp Mỹ H2, thị trấn Mỹ L2, huyện Chợ M2, tỉnh An Giang với số tiền 3.550.000.000 đồng. Bà có cùng với bà M ký hợp đồng mua bán nhà đất với ông Hồ Phước L1 ngày 15/01/2013. Bà đã giao tiền cọc cho Ông L1 200.000.000 đồng, có lập biên nhận ngày 15/01/2013.

Ngày 23/01/2013, bà trả cho Ông L1 bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản công ty TNHH MTV King Long số tiền 2.000.000.000 đồng, trong đó có 1.876.000.000 đồng của bà M và phần của bà N hùn 124.000.000 đồng.

Khi lập hợp đồng chuyển nhượng có công chứng, bà M đưa thêm 400.000.000 đồng, bà N vay của người thân đưa thêm 800.000.000 đồng, bán

vàng, vay nóng bên ngoài 178.700.000 đồng và nộp thuế, lệ phí công chứng và các chi phí khác làm thủ tục sang tên trước bạ.

Tổng số tiền bà đã trực tiếp chi trả là 3.842.400.000 đồng, gồm tiền chuyển nhượng 3.550.000.000 đồng, chi phí phát sinh 292.400.000 đồng. Trong đó, bà M hùn 2.276.000.000 đồng, bà N hùn 1.566.400.000 đồng.

Sau khi bà M đứng tên quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất thì ngày 11/11/2014, bà M thỏa thuận cho bà N thuê nhà và đất trên với giá 10.000.000 đồng, thời hạn 02 năm (từ ngày 15/11/2014 đến ngày 15/11/2016) để bà N làm thủ tục kinh doanh. Khi chưa hết thời hạn thuê, bà M đã bán nhà và chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Hữu L nên phát sinh tranh chấp.

Trong quá trình sử dụng nhà, bà N đã chi tiền sửa nhà xưởng, tổng cộng: 265.000.000 đồng vào tháng 7/2013, trong đó Mai đưa 30.000.000 đồng. Khi làm thủ tục vay đáo hạn Ngân hàng 1.000.000.000 đồng, bà M đã trích ra 200.000.000 đồng trả tiền sửa nhà cho Ngọc, còn lại 35.000.000 đồng chi phí sửa nhà là của bà N.

bà N yêu cầu chia tài sản chung theo tỷ lệ vốn góp đối với nhà, đất do bà La Thị Bạch M đứng tên, bà được ưu tiên mua lại tài sản đang thuê; yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà M với ông L.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/10/2016, bà N yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS03260, diện tích 4.820 m² và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS02586, diện tích 1.950m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 08/7/2016 do ông Nguyễn Hữu L và bà Huỳnh Cẩm T đứng tên.

- Bị đơn bà La Thị Bạch M trình bày:

bà M có nhờ bà N liên hệ mua nhà và đất của ông Hồ Phước L1, có nhờ bà N đặt cọc cho Ông L1 200.000.000 đồng. Tổng số tiền mua bán nhà, chuyển nhượng đất là 3.550.000.000 đồng, bà đã chuyển tiền cho bà N 700 đôla Hong Kong tương đương 1.876.000.000 đồng tiền Việt Nam và đưa tiền mặt 124.000.000 đồng, thành 2.000.000.000 đồng để bà N chuyển cho Ông L1 theo giấy ủy nhiệm chi ngày 23/01/2013 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Phòng giao dịch Mỹ Luông, huyện Chợ M1, tỉnh An giang. Ông L1 có làm biên nhận 2.000.000.000 đồng với bà M vào ngày 23/01/2013, người giao ký tên là La Thị Bạch M, người nhận là Hồ Phước L1.

Sau đó, khi thực hiện công chứng hợp đồng chuyển nhượng, bà giao cho Ông L1 số tiền còn lại 1.350.000.000 đồng. Tổng số tiền chuyển nhượng bà đã chi là 3.550.000.000 đồng toàn bộ là tiền của bà, không có tiền của bà N. Riêng số tiền 200.000.000 đồng bà nhờ bà N đặt cọc cho Ông L1 đã được khấu trừ vào tiền bà chuyển nhượng cho bà N và ông Nguyễn Thanh H (chồng bà N) diện tích 605m² đất trồng cây lâu năm tại thị trấn Mỹ Luông, giá 450.000.000 đồng. Sau khi khấu trừ tiền đặt cọc 200.000.000 đồng, còn lại 250.000.000 đồng bà để cho bà N giữ lại để thanh toán chi phí nhận chuyển nhượng đất với Ông L1.

Sau khi hoàn tất thủ tục, bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH02586, do UBND huyện Chợ M1 cấp ngày 06/3/2013, diện tích 1.950m², loại đất cơ sở sản xuất kinh doanh; nhà kho: diện tích xây dựng: 746,81 m², diện tích sàn: 1144,09m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH03260, do UBND huyện Chợ M1 cấp ngày 06/3/2013, diện tích 4.820m², đất trồng cây lâu năm.

Ngày 11/11/2014, bà thỏa thuận cho bà N thuê lại căn nhà trong thời hạn 02 năm, giá thuê là 10.000.000 đồng (từ ngày 15/11/2014 đến ngày 15/11/2016). Sau đó, bà đã chuyển nhượng toàn bộ nhà và đất trên cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu L và bà Huỳnh Cẩm T theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được công chứng tại Văn phòng Công chứng An Giang số 304, quyền số 01/2016/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/3/2016. Sau đó ông L, bà T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất.

bà M không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N vì bà N không có hùn tiền mua nhà, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Ông L1.

- Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 31/7/2017, bà La Thị Bạch M yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Bích N, ông Nguyễn Thanh H và Nguyễn Phước H1:

+ Trả lại cho bà số tiền 1.350.000.000 đồng gồm tiền vay 1.000.000.000 đồng, 350.000.000 đồng tiền bà N nhận để sử dụng từ khoản tiền vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - Phòng giao dịch Mỹ Luông, huyện Chợ M1 và yêu cầu tính lãi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kể từ ngày 28/12/2012 đến ngày có yêu cầu phản tố 31/7/2017;

+ Trả lại nhà, đất theo hợp đồng thuê nhà ngày 15/11/2014;

+ Trả 10.000.000 đồng tiền thuê nhà.

Đối với tiền lãi mà bà N đã trả đối với khoản vay 800.000.000 đồng của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn-Phòng giao dịch Mỹ Luông, huyện Chợ M1 (bà N nhận 350.000.000 đồng, bà M nhận 450.000.000 đồng), đáo hạn vay lại 1.000.000.000 đồng, bà M yêu cầu khấu trừ vào tiền lãi đối với số tiền 1.000.000.000 đồng mà bà N đã vay của bà.

Đối với chi phí sửa nhà kho 265.000.000 đồng bà M cho rằng chi phí của bà là 230.000.000 đồng gồm 30.000.000 đồng giao cho bà N nhận; 200.000.000 đồng được tính vào khoản tiền vay ngân hàng mà bà đã thanh toán xong. Còn lại chi phí sửa nhà của bà N là 35.000.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Bích N xác định có hùn kinh doanh mua bán với bà M, vốn hùn của Mai là 1.000.000.000 đồng không phải tiền vay, bà đã trả tiền lãi trong kinh doanh cho Mai hơn 210.000.000 đồng. bà N đồng ý trả lại cho Mai 1.000.000.000 đồng tiền hùn vốn và 350.000.000 đồng tiền nhận sử dụng khi vay Ngân hàng, không chấp nhận trả lãi theo yêu cầu của Mai.

+ Không đồng ý trả lại nhà, đất theo yêu cầu của Mai vì đây là tài sản chung theo phần hùn.

- Tại biên bản đối chất ngày 03/4/2019, bà N và bà M thống nhất số tiền bà N trả lãi cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - Phòng giao dịch Mỹ Lương thay bà M trên số tiền gốc 450.000.000 đồng (bà M nhận sử dụng) là 131.822.000 đồng, bà M đồng ý hoàn trả lại cho bà N.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Thanh H và anh Nguyễn Phước H1 thống nhất ý kiến trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N.

+ Chị Huỳnh Thị Cẩm Tú (vợ anh Nguyễn Phước H1) trình bày: không biết cụ thể nội dung tranh chấp giữa bà N (mẹ chồng) và bà M nên không có ý kiến về việc tranh chấp.

+ Ông Hồ Phước L1, bà Lê Kim N1 (do Ông L1 đại diện) trình bày:

bà N và bà M có hùn tiền mua nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông giá 3.500.000.000 đồng. Ông có nhận tiền cọc và làm biên nhận tiền cọc với bà N 200.000.000 đồng; nhận tiền do bà N chuyển khoản qua Ngân hàng 2.000.000.000 đồng, sau đó ông có ký văn bản nhận tiền 2.000.000.000 đồng của bà M với sự đồng ý của bà N, ông không rõ tiền của bà N bao nhiêu. Sau đó, ông có nhận thêm 1.350.000.000 đồng có mặt cả Ngọc và Mai, không nhớ thời gian nhận và người giao tiền.

+ Ông Lý Văn Đ trình bày: Năm 2014, ông được bà Nguyễn Thị Bích N cho mượn phần đất nông nghiệp phía sau cơ sở kinh doanh của bà N khoảng hơn 5 công để trồng thuốc nam làm từ thiện. Ông không rõ việc tranh chấp giữa bà N với bà M. Trường hợp pháp luật giải quyết phần tài sản này thuộc về ai thì ông sẽ trả lại phần đất, di dời các cây trồng, hệ thống phun tưới mà không yêu cầu phải trả chi phí.

+ Ông Nguyễn Hữu L và bà Huỳnh Cẩm T (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập) trình bày:

Ông L và bà T thỏa thuận mua bán nhà, chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà La Thị Bạch M gồm diện tích đất nông nghiệp trồng cây lâu năm 4.820m², đất sản xuất kinh doanh 1.950m², đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 891057 ngày 07/7/2016 và số CC 891058 cùng ngày 08/7/2016. Sau đó, do bà Nguyễn Thị Bích N cản trở không cho nhận nhà, đất đã chuyển nhượng.

Ông L thống nhất với yêu cầu phản tố của bà M về việc đòi bà N, ông Hải, anh H1 trả nhà, đất theo hợp đồng thuê nhà ngày 15/11/2014. Ông và bà M không có tranh chấp về việc mua bán nhà, chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Ông L, bà T yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích N và bà La Thị Bạch M bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 542.640.000 đồng (năm trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng) do không được nhận sử dụng nhà, đất, thiệt hại được tính theo số tiền lãi mà ông L, bà T phải trả cho các khoản tiền vay để mua nhà, đất của bà M, thời gian tính từ ngày 15/11/2016 đến ngày 15/4/2018).

- **Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N trình bày:** Không đồng ý yêu cầu của ông L và bà T, vì khi biết bà M chuyển nhượng cho ông L thì bà đã ngăn chặn bằng việc khởi kiện tại Tòa án huyện Chợ M1 nhưng Sở Tài nguyên và Môi trường vẫn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L, bà T. Do đó, bà không đồng ý bồi thường theo yêu cầu độc lập của ông L, bà T.

- **Bị đơn bà La Thị Bạch M trình bày:** Đồng ý bồi thường 50% thiệt hại theo yêu cầu của ông L vì đã không bàn giao nhà và đất đúng thời hạn cho ông L.

- **Ý kiến của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh An Giang (theo Công văn số 1591/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 08/6/2018):**

Xác định việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L đúng trình tự, thủ tục, trên cơ sở giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Chợ M1 cấp cho bà M. bà M chuyển nhượng cho ông L, bà T theo Hợp đồng chuyển nhượng được Văn phòng công chứng An Giang công chứng ngày 21/3/2016, nộp hồ sơ đăng ký chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân huyện Chợ M1 ngày 23/6/2016. Ngày 30/6/2016 Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Chợ M1 chỉnh lý biên động giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu L và bà Huỳnh Cẩm T. Do ông L và bà T có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận, Sở Tài nguyên và Môi trường cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L, bà T với diện tích 7.770m² (1.950m² đất cơ sở sản xuất kinh doanh và 4.820 m² đất trồng cây lâu năm) số vào sổ giấy chứng nhận là CS02586 và CS03260 ngày 08/7/2016.

Việc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu của ông L, bà T là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Bích N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đòi bà M chia tài sản chung là phần hùn của bà trong việc mua nhà, đất của Ông L1 với tỷ lệ phần hùn của bà là 1/3, của bà M là 2/3. Bà yêu cầu được tiếp tục quản lý, sử dụng nhà, đất và hoàn lại cho bà M tiền chuyển nhượng theo tỷ lệ phần hùn của bà M; yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng nhà, đất giữa bà M với ông L, bà T; hủy giấy CNQSDĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh cấp cho ông L, bà T.

bà N đồng ý trả lại 1.350.000.000 đồng theo yêu cầu của bà M gồm tiền hùn vốn kinh doanh 1.000.000.000 đồng và 350.000.000 đồng vay Ngân hàng đã nhận để sử dụng; đồng ý trả thêm tiền lãi theo yêu cầu của bà M là 396.000.000 đồng nhưng phải khấu trừ phần tiền lãi trong việc hùn kinh doanh mà bà đã trả cho Mai là 210.000.000đ; đồng ý trả cho bà M 10.000.000 đồng tiền thuê nhà;

bà N không đồng ý trả nhà, đất theo yêu cầu phản tố của bà M và không chấp nhận bồi thường thiệt hại theo yêu cầu độc lập của ông L, bà T.

- Bị đơn, bà La Thị Bạch M: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N; giữ nguyên yêu cầu phản tố đòi bà N, ông Hải, anh H1 trả lại nhà, đất đang quản lý, sử dụng; trả 1.350.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền vay (1.000.000.000đồng) là: 396.000.000đ; trả tiền thuê nhà 10.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Hữu L giữ nguyên yêu cầu độc lập đòi bà N và bà M bồi thường thiệt hại với số tiền 542.640.000 đồng; yêu cầu bà N trả nhà và đất lại cho bà M để bà M giao lại cho ông và bà T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền đất đã được cấp.

+ Ông Nguyễn Thanh H, anh Nguyễn Phước H1 thống nhất ý kiến của bà N theo yêu cầu khởi kiện, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà M về việc đòi trả lại nhà và đất.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, Luật sư Hồ Hoàng Phương trình bày quan điểm:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì không có việc bà M và bà N hùn vốn mua nhà, chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu phản tố của bà M buộc bà N, ông Hải, anh H1 trả lại nhà và đất cho bà M; buộc bà N, ông Hải, anh H1 trả lại bà M 1.000.000.000 đồng tiền vay, 350.000.000 đồng bà N nhận từ tiền vay ngân hàng, tiền thuê nhà 10.000.000 đồng, đồng thời xem xét chấp nhận yêu cầu của bà M về việc buộc bà N trả lãi đối với số tiền vay 1.000.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 39/2019/DS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang quyết định:

Căn cứ các Điều 166, 221, 280 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 147, 271, 273, 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích N về việc: Chia tài sản chung là 1/3 giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do bà La Thị Bạch M nhận chuyển nhượng của ông Hồ Phước L1 và bà Lê Kim N1; hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất giữa bà La Thị Bạch M với ông Nguyễn Hữu L, bà Huỳnh Cẩm T (theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Văn phòng Công chứng An Giang công chứng số 304, quyền số 01/2016/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/3/2016); hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ CS03260, diện tích 4.820 m² và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ CS02586, diện tích 1.950m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 08/7/2016, mang tên ông Nguyễn Hữu L và bà Huỳnh Cẩm T.

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà La Thị Bạch M.

- Buộc bà Nguyễn Thị Bích N, ông Nguyễn Thanh H, anh Nguyễn Phước H1, chị Bùi Thị Tú A có trách nhiệm giao trả lại cho bà La Thị Bạch M toàn bộ nhà kho có diện tích xây dựng: 746,81 m²; diện tích sàn: 1.144,09 m²; diện tích đất cơ sở sản xuất kinh doanh 1.950m²;

- Buộc bà N và ông Đảm có trách nhiệm di dời cây trồng và các tài sản khác có trên diện tích đất 4.820m² trả lại bà M diện tích đất 4.820m²;

(Diện tích nhà, đất được thể hiện theo Sơ đồ khu đất tranh chấp ngày 10/9/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Chợ M1).

- bà M được sở hữu nhà phun sơn diện tích 88,5m², kết cấu khung cột sắt tiền chế, không vách, mái tole, nền lót đal và phần sân phơi bằng vật liệu đal bê tông đúc sẵn, trám mạch bằng xi măng có diện tích 71,5m² (có trên diện tích đất 1.950m², theo Sơ đồ khu đất tranh chấp ngày 10/9/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Chợ M1).

- bà N, ông Hải, anh H1 phải có trách nhiệm trả cho bà M **1.317.652.000 đồng** (một tỷ ba trăm mười bảy triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng).

[3] Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Hữu L và bà Huỳnh Cẩm T.

Công nhận sự tự nguyện của bà M bồi thường thiệt hại cho ông L, bà T số tiền: **271.320.000 đồng** (hai trăm bảy mươi một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông L, bà T về việc đòi bà Nguyễn Thị Bích N bồi thường thiệt hại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về chi phí tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Bích N tự nguyện chịu chi phí đo đạc, xem xét thẩm định và định giá tài sản là **5.652.090 đồng** (đã nộp đủ).

Ông Nguyễn Hữu L tự nguyện chi phí đo đạc là: **1.846.900 đồng** (đã nộp đủ).

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/7/2019, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Ngày 07/8/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H và Nguyễn Phước H1 có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Phước H1 trình bày:

Đề nghị hủy bản án sơ thẩm do có vi phạm về thủ tục tố tụng hoặc nếu không hủy bản án sơ thẩm thì chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện và đơn kháng cáo của bà N là hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Ông L1 và bà N đồng ý hoàn trả lại số tiền mà bà M hùn mua đất nhà xưởng và trả tiền kinh doanh trang trí nội thất và các khoản tiền vay để được sử dụng quyền sử dụng đất và nhà xưởng chỗ bà M đang trực tiếp quản lý sử dụng nhà xưởng này. Ở cấp sơ thẩm bà N khai có chuyển bà Nguyễn Lê Thu Trâm thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng số tiền 200 triệu đồng theo yêu cầu của bà M, nhưng cấp sơ thẩm không triệu tập bà Trâm để làm rõ số tiền 200 triệu đồng chuyển nhằm mục đích gì theo yêu cầu của bà M và chưa tiến hành đối chất để làm rõ số tiền này. Ông H1 và vợ ông H1 là bà Bùi Thị Tú A có dùng tiền để làm phòng ngủ, nhà vệ sinh thuộc đất đang tranh chấp nhưng cấp sơ thẩm không xác định số tiền của ông H1 và bà Tú A trong này là bao nhiêu mà lại khấu trừ vào số tiền của bà N.

Bị đơn bà La Thị Bạch M trình bày:

Không đồng ý với kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Nguyễn Hữu L trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, đề nghị bà N, ông Hải vào ông H1 giao trả phần đất cho ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Bích N, ông Nguyễn Thanh H và Nguyễn Phước H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng không đưa ra được chứng cứ mới nào chứng minh yêu cầu của mình nên không có cơ sở chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H và Nguyễn Phước H1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 39/2019/DS-ST ngày 23/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N kháng cáo cho rằng: bà có hùn tiền với bà La Thị Bạch M để mua nhà và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng

đất của ông Hồ Phước L1, bà Lê Kim N1 gồm nhà kho gắn liền với diện tích đất sản xuất kinh doanh 1.950m² và diện tích đất nông nghiệp 4.820 m² tọa lạc tại ấp Mỹ Hòa, thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ M1, tỉnh An Giang. Số tiền mua bán nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 3.550.000.000 đồng và chi phí phát sinh 292.400.000 đồng. Tỷ lệ phần hùn vốn của bà N là 1/3 và của bà M là 2/3, cụ thể bà N hùn 1.566.400.000 đồng, bà M hùn 2.276.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: tại giấy nhận tiền ngày 23/01/2013 với nội dung ông Hồ Phước L1 nhận của Nguyễn Thị Bích N số tiền 2.000.000.000 đồng tiền mua bán nhà, đất nhưng phần ký tên người giao tiền là bà La Thị Bạch M, bà N không ký tên. bà N khai trong số tiền 2.000.000.000 đồng trên có tiền của bà góp vào nhưng trong biên nhận nhận tiền chỉ ghi bên giao là bà M và có chữ ký của bà M. Các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/01/2013 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền trên đất ngày 28/02/2013 đều thể hiện bên chuyển nhượng là ông Hồ Phước L1 và bà Lê Kim N1, bên nhận chuyển nhượng là bà La Thị Bạch M. Nội dung của hợp đồng cũng thể hiện bên nhận chuyển nhượng đã thanh toán tiền chuyển nhượng cho bên chuyển nhượng, hợp đồng đã được công chứng và phía bà M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất hợp pháp. Sau khi bà M được cấp giấy chứng nhận thì giữa bà N và bà M lại ký hợp đồng thuê nhà vào ngày 11/11/2014; trong đó bà N là bên thuê, bà M là bên cho thuê. bà N không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà có thỏa thuận hùn tiền với bà M để chuyển nhượng nhà đất của Ông L1; không cung cấp được các tài liệu mà bà đã chi lệ phí trước bạ, phí công chứng, thuế thu nhập cá nhân...; bà cũng không chứng minh được có việc thỏa thuận đề cho bà M đứng tên giấy chứng nhận.

Mặc dù ông Hồ Phước L1 có lời khai rằng bà N và bà M hùn tiền mua nhà, đất của ông nhưng Ông L1 lại không nói được phần hùn của mỗi người là bao nhiêu, không giải thích được tại sao toàn bộ Hợp đồng chuyển nhượng chỉ có tên của vợ chồng ông và bà M. Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu của bà N đòi phân chia tài sản chung đối với diện tích nhà đất do bà M chuyển nhượng từ Ông L1 là có cơ sở, đúng quy định.

bà M sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất đã thỏa thuận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hữu L, bà Huỳnh Cẩm T theo Hợp đồng chuyển nhượng được Văn phòng công chứng An Giang công chứng ngày 21/3/2016, được Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Chợ M1 chỉnh lý biên động theo hợp đồng chuyển nhượng. Sau đó, ông L, bà T đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp đổi giấy chứng nhận ngày 08/7/2016 là đúng trình tự, thủ tục. Do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà N yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng giữa bà M và vợ chồng ông L, bà T cũng như yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất đã cấp cho ông L, bà T.

[2] Tại Tờ thuê nhà ngày 11/11/2014 bà M thỏa thuận cho bà N thuê căn nhà tại địa chỉ số 138, ấp Mỹ Hòa, thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ M1, thời hạn thuê là 02 năm, số tiền thuê là 10.000.000 đồng, thời gian thuê kể từ ngày

15/11/2014 đến ngày 15/11/2016. bà N trình bày việc lập Tờ thuê nhà chỉ nhằm mục đích để hợp thức hóa phần hùn vốn của bà M trong cơ sở kinh doanh nhưng bà M không thừa nhận. Tại cấp sơ thẩm, bà N, ông Hải, ông H1 cũng đồng ý trả cho bà M số tiền thuê còn thiếu là 10.000.000 đồng.

Ngoài căn nhà kho là đối tượng của hợp đồng thuê được bà N, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Phước H1, bà Bùi Thị Tú A sử dụng kinh doanh mua bán thì phía bà N còn trực tiếp sử dụng diện tích đất cơ sở sản xuất kinh doanh 1.950 m² (có nhà kho bà N thuê của bà M), diện tích đất nông nghiệp 4.820m² bà N cho ông Lý Văn Đ mượn trồng cây thuốc nam. Hiện nay, do thời hạn hợp đồng thuê nhà đã hết nên cấp sơ thẩm đã buộc bà N, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Phước H1, bà Bùi Thị Tú A, ông Lý Văn Đ phải có trách nhiệm di dời cây trồng và các tài sản khác có trên diện tích đất để trả lại cho bà M là có cơ sở, đúng quy định (toàn bộ diện tích nhà, đất được thể hiện theo Sơ đồ khu đất tranh chấp ngày 10/9/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Chợ M1). Cấp sơ thẩm cũng giao cho bà M được sở hữu nhà phun sơn và sân phơi mà bà N đã xây dựng trên diện tích đất cơ sở sản xuất kinh doanh và buộc bà M có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà N giá trị tài sản theo kết quả định giá là 61.526.630 đồng (tính tròn là 61.526.000 đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về việc: buộc bà M có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà N chi phí sửa nhà kho là 35.000.000 đồng; ghi nhận việc bà N, ông Hải và ông H1 đồng ý trả lại cho bà M tiền vốn góp kinh doanh 1.000.000.000 đồng và khoản tiền lãi của số tiền 1.000.000.000 đồng là 186.000.000 đồng; bà N, ông Hải, ông H1 phải trả cho bà M số tiền 218.178.000 đồng liên quan đến khoản tiền bà N nhận sử dụng từ tiền vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - Phòng giao dịch Mỹ Lương.

Sau khi khấu trừ tất cả trách nhiệm thanh toán của hai bên thì bà N, ông Hải, ông H1 có trách nhiệm trả cho bà M số tiền 1.317.652.000 đồng. Các đương sự trình bày không kháng cáo đối với phần quyết định này của cấp sơ thẩm nên HĐXX không đề cập.

Đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm giải quyết về yêu cầu của ông Nguyễn Hữu L, bà Huỳnh Cẩm T, do ông L, bà T, bà M không kháng cáo nên HĐXX không đề cập.

[3] Từ những phân tích nêu trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích N, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Phước H1, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Bà Nguyễn Thị Bích N, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Phước H1 mỗi người phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 166, 221, 280 của Bộ luật dân sự năm 2015; Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích N, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Phước H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích N về việc:

- Chia tài sản chung là 1/3 giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do bà La Thị Bạch M nhận chuyển nhượng của ông Hồ Phước L1 và bà Lê Kim N1;

- Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất giữa bà La Thị Bạch M với ông Nguyễn Hữu L, bà Huỳnh Cẩm T (theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Văn phòng Công chứng An Giang công chứng số 304, quyền số 01/2016/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/3/2016);

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ CS03260, diện tích 4.820 m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ CS02586, diện tích 1.950m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 08/7/2016, mang tên ông Nguyễn Hữu L và bà Huỳnh Cẩm T.

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà La Thị Bạch M.

- Buộc bà Nguyễn Thị Bích N, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Phước H1, bà Bùi Thị Tú A có trách nhiệm giao trả lại cho bà La Thị Bạch M toàn bộ nhà kho có diện tích xây dựng: 746,8m²; diện tích sàn: 1.144,09m²; diện tích đất cơ sở sản xuất kinh doanh 1.950m²;

- Buộc bà Nguyễn Thị Bích N và ông Lý Văn Đ có trách nhiệm di dời cây trồng và các tài sản khác có trên diện tích đất 4.820m² để trả lại bà La Thị Bạch M diện tích đất 4.820m²;

(Diện tích nhà, đất được thể hiện theo Sơ đồ khu đất tranh chấp ngày 10/9/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Chợ M1).

- Bà La Thị Bạch M được sở hữu nhà phun sơn diện tích 88,5m², kết cấu khung cột sắt tiền chế, không vách, mái tole, nền lót đal và phần sân phơi bằng vật liệu đal bê tông đúc sẵn, trám mạch bằng xi măng có diện tích 71,5m² (có trên diện tích đất 1.950m², theo Sơ đồ khu đất tranh chấp ngày 10/9/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Chợ M1).

- Bà Nguyễn Thị Bích N, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Phước H1 phải có trách nhiệm trả cho bà La Thị Bạch M số tiền 1.317.652.000 đồng (Một tỷ ba trăm mười bảy triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng).

[3] Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Hữu L và bà Huỳnh Cẩm T.

Công nhận sự tự nguyện của bà La Thị Bạch M bồi thường thiệt hại cho ông L, bà T số tiền: 271.320.000 đồng (Hai trăm bảy mươi một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông L, bà T về việc đòi bà Nguyễn Thị Bích N bồi thường thiệt hại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về chi phí tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Bích N tự nguyện chịu chi phí đo đạc, xem xét thẩm định và định giá tài sản là 5.652.090 đồng (đã nộp đủ).

Ông Nguyễn Hữu L tự nguyện chi phí đo đạc là: 1.846.900 đồng (đã nộp đủ).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Bích N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 58.992.000 đồng (Năm mươi tám triệu chín trăm chín mươi hai ngàn đồng). Sau khi khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp là 14.750.000 đồng (Mười bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo Biên lai số 0004035 ngày 13/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới), bà N phải nộp thêm 44.242.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Bích N, ông Nguyễn Thanh H và anh Nguyễn Phước H1, chị Bùi Thị Tú A cùng liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 51.529.000 đồng (Năm mươi một triệu năm trăm hai mươi chín nghìn đồng).

- Bà La Thị Bạch M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.252.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp là 26.550.000 đồng theo Biên lai số 0017732 ngày 31/7/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Hoàn trả lại bà M 3.298.000 đồng (Ba triệu hai trăm chín mươi tám nghìn đồng) tạm ứng án phí.

- Ông Nguyễn Hữu L và bà Huỳnh Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.566.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà ông bà đã nộp là 12.852.800 đồng theo Biên lai thu số 0007300 ngày 27/4/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Ông L, bà T phải nộp thêm 713.200 đồng (Bảy trăm mười ba triệu hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích N, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Phước H1 mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo các Biên lai tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số 0005169 ngày 26 tháng 7 năm 2019, số 0005180 và số 0005181 ngày 09 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Minh